

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST  
Ngày: 28-4-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Ngô Văn Ứng.

Ông Đỗ Viết Phúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412 đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H - Phó giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ (Theo quyết định số 222/2020/UQ-TCTT ngày 12/6/2020 của Tổng giám đốc về việc ủy quyền cho Phó giám đốc Trung tâm quản lý và thu hồi nợ ký đại diện ngân hàng B).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Ngọc Tuyết N (Theo giấy ủy quyền ngày 13/11/2020).

Địa chỉ: 143 đường N, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

+ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.  
(Chị N, bà L có mặt, ông T vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng B có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Ngọc Tuyết N trình bày:*

Ngày 19/10/2017, ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0540/03117/TDGD-CN với Ngân hàng B (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Theo Hợp đồng, Ngân hàng đã cho ông T, bà L vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 26/10/2020, lãi suất vay trong hạn là 10%/năm, trả lãi vào ngày 28 định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc theo lịch trả nợ, không có tài sản bảo đảm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà L vào ngày 29/10/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã trả được 14.413.661 đồng nợ gốc và 4.229.368 đồng nợ lãi. Do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại 15.586.339 đồng sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc 15.586.339 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ, lãi tạm tính đến ngày 10/01/2021 là 7.340.538 đồng, thực hiện trả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Ông T, bà L phải trả nợ theo thứ tự: Phí/các khoản khác (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn gốc.

Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

*Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Ngô Thị L trình bày:*

Bà L thống nhất toàn bộ lời trình bày của Ngân hàng về quá trình vay vốn giữa bà L, ông T với Ngân hàng. Ông T, bà L đã vay và nhận số tiền 30.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã trả được 18 kỳ, mỗi kỳ 1.080.000 đồng và kỳ cuối trả 247.000 đồng, tổng cộng là 18.607.000 đồng. Nhưng hoàn cảnh khó khăn, hiện tại ông T bệnh nặng nên không thể thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, bà L xin được chỉ trả nợ gốc là 15.586.339 đồng, bằng cách trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, đồng thời xin không phải trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đồng thời bổ sung tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 28/4/2021 là 8.016.535 đồng; bị đơn bà L giữ nguyên ý kiến trình bày, ông T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B: Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 15.586.339 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 8.016.535 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã giao nộp 01 Bản sao Hợp đồng tín dụng số 0540/03117/TDGD-CN ngày 19/10/2017. Hợp đồng cho thấy số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, hạn trả cuối cùng ngày 26/10/2020, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ngày 29/10/2017, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng cho ông T, bà L theo Giấy nhận nợ số 01/0540/03117/TDGD-CN. Khi hợp đồng đến hạn vào ngày 26/10/2020, ông T và bà L vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng và kéo dài đến nay. Ông T, bà L không phản đối về các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp trong đó có Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ. Trong quá trình thực hiện, hợp đồng, ông T, bà L đã thanh toán một phần nợ gốc và lãi, còn nợ lại 15.586.339 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/4/2021 là 8.016.535 đồng Bà L thống nhất toàn bộ số nợ, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin chỉ trả nợ gốc nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Dựa trên Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, việc Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà L yêu cầu được trả dần số nợ gốc bằng cách trả mỗi tháng 500.000 đồng nhưng không được Ngân hàng đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc ông

T, bà L chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông T là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba; bà L là thân nhân Liệt sĩ Võ Văn Bé được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ; do đó ông T, bà L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng B số tiền vốn là 15.586.339 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0540/03117/TDGD-CN ngày 19/10/2017 (lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 8.016.535 đồng), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/4/2021, ông T và bà L còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0540/03117/TDGD-CN cho đến khi thanh toán hoàn tất.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 561.453 đồng theo biên lai thu số 49615 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**